

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/KDTM-ST

Ngày 21-8-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2020 tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HV (viết tắt là Công ty HV); địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D; địa chỉ: Số 311 E, phường F, quận G, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số: 05/UQ/2019 ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Công ty HV); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần LS (viết tắt là Công ty LS); địa chỉ trụ sở: Km6 Quốc lộ H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông K; địa chỉ: Số 68 Tổ 7, phường L, quận M, thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng Giám đốc Công ty LS); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15-11-2019, được bổ sung bằng lời khai tại các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty HV trình bày:

Công ty HV và Công ty LS thực hiện hai hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể như sau:

Ngày 04-01-2016, Công ty LS đã ký kết xác nhận việc đặt mua dây hàn lõi thuốc của Công ty HV tại Văn bản báo giá dây hàn lõi thuốc ngày 04-01-2016, số tham chiếu: HWC-160104V1. Theo đó, số hiệu dây hàn lõi thuốc: SF-71 E71T-1C xuất xứ Việt Nam, kích thước: 1,2mm; trọng lượng: 19,800 kg, đơn giá: 34.590 đồng, thành tiền: 684.882.000 đồng, thuế giá trị gia tăng (10%): 68.488.200 đồng. Vì vậy, lô hàng trên có tổng giá trị là 753.370.200 đồng, thanh toán bằng điện chuyển tiền trong 60 ngày kể từ ngày giao hàng, giao hàng trong vòng 18 ngày sau khi nhận được thư xác nhận, giao dịch này có hiệu lực từ ngày 15-01-2016. Sau khi nhận được xác nhận từ Công ty LS, Công ty HV đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 13-01-2016 đối với lô hàng trên với giá 753.370.200 đồng.

Ngày 21-01-2016, Công ty LS tiếp tục ký kết xác nhận việc đặt mua dây hàn lõi thuốc của Công ty HV tại Văn bản báo giá dây hàn lõi thuốc ngày 21-01-2016, số tham chiếu: HWC-160121V1. Theo đó, số hiệu dây hàn lõi thuốc: SF-71 E71T-1C xuất xứ Việt Nam, kích thước: 1,2mm; trọng lượng: 19,800 kg, đơn giá: 34.470 đồng, thành tiền: 682.506.000 đồng, thuế giá trị gia tăng (10%): 68.250.600 đồng. Vì vậy, lô hàng trên có tổng giá trị là 750.756.600 đồng, thanh toán bằng điện chuyển tiền trong 60 ngày kể từ ngày giao hàng, giao hàng trong tuần thứ 3 của tháng 2 năm 2016, giao dịch này có hiệu lực từ ngày 30-01-2016. Sau khi nhận được xác nhận từ Công ty LS, Công ty HV đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25-02-2016 đối với lô hàng trên với giá 750.756.600 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HV đã bán dây hàn lõi thuốc cho Công ty LS đảm bảo số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm giao hàng và đã xuất trình đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty LS. Nhưng đến ngày 10-01-2018, Công ty LS mới chỉ thanh toán cho Công ty HV số tiền 150.000.000 đồng đối với đơn hàng ngày 04-01-2016. Vì vậy, tính đến ngày 03-12-2018, Công ty LS chưa thanh toán cho Công ty HV số tiền 603.370.200 đồng đối với đơn hàng ngày 04-01-2016 và số tiền 750.756.600 đồng đối với đơn hàng ngày 21-01-2016, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03-12-2018 là 1.354.126.800 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03-12-2018 giữa Công ty HV và Công ty LS.

Đến ngày 07-12-2018, Công ty HV có nhận được Văn bản số: 061/CV-KD ngày 07-12-2018 của Công ty LS về việc đề nghị xin gia hạn thời hạn trả nợ và Công ty LS cam kết sẽ thanh toán đủ công nợ trong năm 2019.

Nhưng đến nay, Công ty HV đã nhiều lần đề nghị Công ty LS thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty LS không có phương án thanh toán khoản nợ nêu trên cho Công ty HV. Vì vậy, các yêu cầu khởi kiện của Công ty HV như sau:

Buộc Công ty LS phải thanh toán cho Công ty HV số tiền nợ gốc là 1.354.126.800 đồng.

Tại hai giao dịch trên, Công ty HV và Công ty LS chưa thỏa thuận về lãi suất phát sinh trên số tiền chậm thanh toán. Nhưng do Công ty LS không có phương án trả số tiền còn nợ như nêu trên cho Công ty HV, nên Công ty HV yêu cầu Công ty LS phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế của Công ty LS đang gặp khó khăn, nên Công ty HV chỉ tính lãi suất phát sinh trên số tiền Công ty LS chậm thanh toán như nêu trên kể từ ngày 03-12-2018 với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể số tiền lãi là 232.458.434 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty LS phải trả cho Công ty HV tính đến ngày 21-8-2020 là 1.586.585.234 đồng.

Buộc Công ty LS phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán kể từ ngày 22-8-2020 theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi Công ty LS thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty HV.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn. Nhưng bị đơn đều vắng mặt, không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về mức lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán nên Tòa án đã thu thập các văn bản trả lời về mức lãi suất nợ trong hạn và nợ quá hạn của 03 ngân hàng thương mại cụ thể như sau: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam lãi suất nợ trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam lãi suất nợ trong hạn là từ 10%/năm đến 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam lãi suất nợ trong hạn là từ 9,5%/năm đến 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng sau khi nghiên cứu hồ sơ thấy rằng: Thẩm phán đã xác định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết, về tư cách tham gia tố tụng, về việc thu thập chứng cứ, về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và khi có đương sự vắng mặt tại phiên tòa, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của đương sự tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các điều 280, 281, 302, 389, 390, 401, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, 56, 306 của Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty HV và Công ty LS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về hình thức và nội dung: Văn bản báo giá dây hàn lõi thuốc ngày 04-01-2016, số tham chiếu: HWC-160104V1 và Văn bản báo giá dây hàn lõi thuốc ngày 21-01-2016, số tham chiếu: HWC-160121V1 được ký kết giữa Công ty HV và Công ty LS trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của các Văn bản báo giá trên đều phù hợp với quy định tại các điều 389, 390, 401, 402 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 24, 34, 35, 37 của Luật Thương mại.

[4] Về việc thực hiện hợp đồng: Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HV đã bán sản phẩm cho Công ty LS đảm bảo số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm giao hàng và đã xuất trình đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty LS đối với 02 đơn

hàng nêu trên. Nhưng đến ngày 10-01-2018, Công ty LS mới chỉ thanh toán cho Công ty HV số tiền 150.000.000 đồng đối với đơn hàng ngày 04-01-2016. Vì vậy, Công ty LS đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận tại các Văn bản báo giá nêu trên. Tính đến ngày 03-12-2018, Công ty LS chậm thanh toán cho Công ty HV số tiền 603.370.200 đồng đối với đơn hàng ngày 04-01-2016 và số tiền 750.756.600 đồng đối với đơn hàng ngày 21-01-2016, tổng số tiền nợ gốc Công ty LS chậm thanh toán Công ty HV tính đến ngày 03-12-2018 là 1.354.126.800 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03-12-2018 giữa Công ty HV và Công ty LS. Đến ngày 07-12-2018, Công ty LS đã gửi cho Công ty HV Văn bản số: 061/CV-KD ngày 07-12-2018 đề nghị xin gia hạn thời hạn trả nợ và cam kết sẽ thanh toán đủ công nợ trong năm 2019. Nhưng đến nay, Công ty HV đã nhiều lần đề nghị Công ty LS thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty LS không có phương án thanh toán khoản nợ nêu trên cho Công ty HV. Như vậy, Công ty LS đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán theo quy định tại các điều 280, 281, 302, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 50, 55 của Luật Thương mại.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.354.126.800 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Số tiền nợ nêu trên đã được nguyên đơn và bị đơn xác nhận tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03-12-2018 và Văn bản số: 061/CV-KD ngày 07-12-2018 của bị đơn đề nghị nguyên đơn gia hạn thời hạn trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 302, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 50, 55 của Luật Thương mại, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.354.126.800 đồng.

[6] Tại các Văn bản báo giá nêu trên nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về mức lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán. Nhưng do Công ty LS không có ý kiến và phương án trả số tiền còn nợ cho Công ty HV, nên Công ty HV yêu cầu Công ty LS phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế của Công ty LS đang gặp khó khăn, nên Công ty HV chỉ tính lãi suất phát sinh trên số tiền Công ty LS chậm thanh toán như nêu trên kể từ ngày 03-12-2018 đến ngày 21-8-2020 với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể số tiền lãi là 232.458.434 đồng. Xét thấy, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng thương mại là: $(10\% \times 150\%) + (10\% \times 150\% + 10,5\% \times 150\%)/2 + (9,5\% \times 150\% + 10,5\% \times 150\%)/2 = 45,375\%/3 = 15,125\%/năm$. Việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bị đơn chậm thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 03-12-2018 đến ngày 21-8-2020 với mức lãi suất 10%/năm là 232.458.434 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán kể từ ngày 22-8-2020 theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi bị đơn thanh toán hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008419 ngày 07-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 59.597.557 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 281, 302, 389, 390, 401, 402, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, 56, 306 của Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty LS phải trả cho Công ty HV toàn bộ số tiền chậm thanh toán và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 03-12-2018 đến hết ngày 21-8-2020 là 1.586.585.234 (*một tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi tư*) đồng, trong đó: Số tiền chậm thanh toán là 1.354.126.800 (*một tỷ, ba trăm năm mươi bốn triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm*) đồng, số tiền nợ lãi là 232.458.434 (*hai trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi tư*) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22-8-2020, Công ty LS phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chậm thanh toán, theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí:

- Trả lại Công ty HV khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.900.000 (*hai mươi bảy triệu, chín trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008419 ngày 07-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Công ty LS phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 59.597.557 (năm mươi chín triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi bảy) đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền